



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

---

Hà Nội, tháng 7 năm 2012

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

01  
C  
C  
;HÚ  
C  
THÁ  
BÁ

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khanh	Thành viên
Ông Hồ Xuân Vinh	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Xuân Đức	Giám đốc tài chính

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đỗ Lăng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2012

Số: 192 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập ngày 26/07/2012 từ trang 3 đến trang 20 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2012



Phạm Xuân Sơn  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1450/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>368.529.319.565</b>	<b>388.680.934.832</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>04</b>	<b>74.434.013.058</b>	<b>51.807.725.150</b>
1. Tiền	111		14.434.013.058	14.207.725.150
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	37.600.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>05</b>	<b>132.866.658.673</b>	<b>151.407.991.445</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		137.886.842.885	158.857.003.653
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.020.184.212)	(7.449.012.208)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>149.419.053.451</b>	<b>173.265.204.385</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		1.349.372.246	1.460.469.646
2. Trả trước cho người bán	132		3.039.861.684	2.925.986.316
			90.476.538	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135			
4. Các khoản phải thu khác	138	06	158.400.093.546	215.294.621.992
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.460.750.563)	(46.415.873.569)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.809.594.383</b>	<b>12.200.013.852</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		262.931.366	170.851.251
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.361.277	3.398.439
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	07	11.543.301.740	12.025.764.162
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>19.289.706.584</b>	<b>19.766.973.166</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.929.607.153</b>	<b>9.507.674.504</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	08	2.955.596.468	3.295.486.253
- Nguyên giá	222		9.050.656.584	9.002.823.886
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.095.060.116)	(5.707.337.633)
2. Tài sản cố định vô hình	227	09	2.354.510.685	2.592.688.251
- Nguyên giá	228		3.528.704.188	3.528.704.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.174.193.503)	(936.015.937)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.619.500.000	3.619.500.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.025.000.000</b>	<b>1.025.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.025.000.000	1.025.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.335.099.431</b>	<b>9.234.298.662</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	876.730.852	524.180.083
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	6.110.562.467	6.110.562.467
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.347.806.112	2.599.556.112
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>387.819.026.149</b>	<b>408.447.907.998</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>65.370.861.109</b>	<b>97.998.389.110</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.370.861.109</b>	<b>97.998.389.110</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	2.525.776.444	36.109.759.991
2. Phải trả người bán	312		380.959.805	713.836.830
3. Người mua trả tiền trước	313		790.090.320	840.090.320
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	7.317.188.025	8.129.843.102
5. Phải trả nhân viên	315		474.721.405	825.769.162
6. Chi phí phải trả	316	16	4.367.766.143	5.754.533.406
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	1.546.662.095	1.548.511.462
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	45.129.703.424	40.949.796.610
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.953.122.150	1.964.687.900
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		321.149.359	351.050.139
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		563.721.939	810.510.188
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>322.448.165.040</b>	<b>310.449.518.888</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>322.448.165.040</b>	<b>310.449.518.888</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		390.000.000.000	390.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.868.000.000	2.868.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(76.419.834.960)	(88.418.481.112)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>400</b>		<b>387.819.026.149</b>	<b>408.447.907.998</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

	Mã số	30/06/2012	31/12/2011
1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
3. Tài sản nhận ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>		<b>1.446.214.750.000</b>	<b>1.590.972.320.000</b>
<b>6.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>	<b>1.415.573.200.000</b>	<b>1.458.654.560.000</b>
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	7.809.330.000	12.495.090.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng	009	1.407.326.550.000	1.446.159.470.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		437.320.000	-
<b>6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>	<b>13.921.110.000</b>	<b>104.509.580.000</b>
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng	014	13.921.110.000	104.509.580.000
<b>6.3 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>	<b>14.149.500.000</b>	<b>18.015.900.000</b>
- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	70.000.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng	029	14.149.500.000	17.945.900.000
<b>6.4 Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>	<b>2.570.940.000</b>	<b>9.792.280.000</b>
- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	150.000	-
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng	039	2.570.790.000	9.792.280.000
<b>7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>		<b>55.769.550.000</b>	<b>55.769.180.000</b>



Nguyễn Đỗ Lăng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2012

Lã Thị Quy  
Kế toán trưởng

Lưu Lan Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU B 02-CTCK  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>21.574.406.836</b>	<b>63.673.225.041</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6.253.316.271	8.460.142.967
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		5.984.832.580	1.483.964.799
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	110.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		146.786.256	-
Doanh thu khác	01.9		9.189.471.729	53.619.117.275
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>24.656.221</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>21.574.406.836</b>	<b>63.648.568.820</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>21</b>	<b>6.645.449.267</b>	<b>71.891.283.746</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>14.928.957.569</b>	<b>(8.242.714.926)</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>4.874.066.904</b>	<b>7.716.617.973</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>10.054.890.665</b>	<b>(15.959.332.899)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	<b>22</b>	<b>1.977.132.997</b>	<b>1.669.084.270</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>33.377.510</b>	<b>5.769.907</b>
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.943.755.487</b>	<b>1.663.314.363</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11.998.646.152</b>	<b>(14.296.018.536)</b>
<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>23</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>11.998.646.152</b>	<b>(14.296.018.536)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>308</b>	<b>(367)</b>



Nguyễn Đỗ Lăng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2012

Lã Thị Quy  
Kế toán trưởng

Lưu Lan Hương  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**MẪU B 03-CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	13.753.184.897	107.663.076.261
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(2.921.924.267)	(10.680.519.822)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	-	(2.333.417.791)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	213.503.939.322	462.202.573.800
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(101.151.450.200)	(90.831.579.900)
6. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(5.539.412.211)	(11.024.552.013)
7. Tiền chi trả cho người lao động	11	(2.289.313.833)	(7.368.260.089)
8. Tiền chi trả lãi vay	12	(2.495.864.898)	(34.910.820.217)
9. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(840.000.000)	(500.000.000)
10. Tiền thu khác	14	359.122.711.559	2.402.125.715.656
11. Tiền chi khác	15	(417.032.482.596)	(2.550.380.597.514)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>54.109.387.773</b>	<b>263.961.618.371</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.260.201.470)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.100.883.682	3.652.872.058
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.100.883.682</b>	<b>2.392.670.588</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	365.613.036.080
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.583.983.547)	(618.941.686.180)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(33.583.983.547)</b>	<b>(253.328.650.100)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>22.626.287.908</b>	<b>13.025.638.859</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>51.807.725.150</b>	<b>165.435.180.696</b>
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60=61)</b>	<b>70</b>	<b>74.434.013.058</b>	<b>178.460.819.555</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 87.030.997 đồng, là số tiền được dùng để mua sắm tài sản cố định trong kỳ nhưng chưa được thanh toán.



Nguyễn Đỗ Lăng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2012

Lã Thị Quy  
Kế toán trưởng

Lưu Lan Hương  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006 với vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; Giấy phép thành lập và hoạt động số 37/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2006.

Theo Quyết định số 124/UBCK-GP ngày 23/04/2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên 260.000.000.000 đồng. Trong năm 2010, Công ty tăng vốn điều lệ lên 390.000.000.000 đồng và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 338/UBCK-GP ngày 07/07/2010.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký chứng khoán. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở chính tại số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2012 là 51 người (tại ngày 31/12/2011 là 107 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, nằm trong tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**Các bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương: Một số cổ đông của Công ty này đồng thời là cổ đông của Công ty.
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền ký quỹ của nhà đầu tư**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi chung trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

**Đầu tư chứng khoán**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01/02/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Đầu tư chứng khoán (Tiếp theo)***

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

***Đầu tư tài chính dài hạn khác***

Đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các Công ty nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào đơn vị nhận đầu tư.

***Các hợp đồng bán lại***

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

***Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu***

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

***Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán***

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 06

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 10 năm.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài, được phân bổ từ 2 năm đến 4 năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuê tài sản**

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Doanh thu**

• **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

• **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty còn khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 là 19.438.301.472 VND và khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là 94.339.121.882 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	78.667.061	200.300.155
Tiền gửi ngân hàng	8.435.120.280	13.684.076.447
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5.920.225.717	323.348.548
Các khoản tương đương tiền (i)	60.000.000.000	37.600.000.000
	<b>74.434.013.058</b>	<b>51.807.725.150</b>

Trong số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền có bao gồm 44.954.138.852 VND là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán (xem thêm Thuyết minh số 18).

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>98.205.345.482</b>	<b>100.183.137.673</b>
Cổ phiếu chưa niêm yết (i)	89.221.204.110	89.221.204.110
Cổ phiếu niêm yết	8.984.141.372	10.961.933.563
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>39.681.497.403</b>	<b>58.673.865.980</b>
Đầu tư ngắn hạn khác (ii)	34.681.497.403	58.673.865.980
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	0
<b>Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(5.020.184.212)</b>	<b>(7.449.012.208)</b>
Cổ phiếu niêm yết	(5.020.184.212)	(7.449.012.208)
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>132.866.658.673</b>	<b>151.407.991.445</b>

**Ghi chú:**

(i) Giá trị cổ phiếu chưa niêm yết Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.

(ii) Đầu tư ngắn hạn khác là theo các hợp đồng cho vay hỗ trợ ngắn hạn đầu tư chứng khoán được ký giữa Công ty và các nhà đầu tư. Tài sản đảm bảo là giá trị tiền và chứng khoán của nhà đầu tư, Công ty được hưởng lãi trên khoản hỗ trợ ngắn hạn này.

	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán VND	Giảm so với giá thị trường VND	Giá trị theo giá thị trường VND
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>6.357.888</b>	<b>98.205.345.482</b>	<b>(5.020.184.212)</b>	<b>93.185.161.270</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.357.888	98.205.345.482	(5.020.184.212)	93.185.161.270
<b>Đầu tư tài chính khác</b>	<b>-</b>	<b>39.681.497.403</b>	<b>-</b>	<b>39.681.497.403</b>
	<b>6.357.888</b>	<b>137.886.842.885</b>	<b>(5.020.184.212)</b>	<b>132.866.658.673</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán (i)	21.271.100.000	21.271.100.000
	96.597.537.667	105.943.616.157
Phải thu hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán		
Lãi dự thu hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán	12.153.222.193	12.146.239.079
Lãi dự thu từ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	14.119.673.598	15.289.093.946
Các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	46.302.913.824
Phải thu khác	14.258.560.088	14.341.658.986
	<b>158.400.093.546</b>	<b>215.294.621.992</b>

**Ghi chú:** (i) Phải thu liên quan đến các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng (COTECH) với giá trung bình 12.489 đồng/cổ phần và các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Liên Minh với giá trung bình 11.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của hai Công ty này chưa niêm yết. Tại ngày 30/06/2012, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	11.542.301.740	11.963.366.162
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.000.000	62.398.000
	<b>11.543.301.740</b>	<b>12.025.764.162</b>

**8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 31/12/2011	202.306.252	1.439.889.000	7.360.628.634	9.002.823.886
Tăng trong kỳ	-	-	87.030.997	87.030.997
Mua sắm mới	-	-	87.030.997	87.030.997
Giảm trong kỳ	-	-	39.198.300	39.198.300
Thanh lý	-	-	39.198.300	39.198.300
Tại ngày 30/06/2012	<b>202.306.252</b>	<b>1.439.889.000</b>	<b>7.408.461.331</b>	<b>9.050.656.584</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 31/12/2011	31.473.396	152.809.725	5.523.054.511	5.707.337.633
Tăng trong kỳ	22.825.059	67.796.500	331.504.223	422.125.782
Khấu hao trong kỳ	22.825.059	67.796.500	331.504.223	422.125.782
Giảm trong kỳ	-	-	34.403.300	34.403.300
Thanh lý	-	-	34.403.300	34.403.300
Tại ngày 30/06/2012	<b>54.298.455</b>	<b>220.606.225</b>	<b>5.820.155.434</b>	<b>6.095.060.116</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2011	170.832.856	1.287.079.275	1.837.574.123	3.295.486.253
Tại ngày 30/06/2012	<b>148.007.797</b>	<b>1.219.282.775</b>	<b>1.588.305.897</b>	<b>2.955.596.468</b>

**9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/12/2011	3.362.753.900	165.950.288	3.528.704.188
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	<b>3.362.753.900</b>	<b>165.950.288</b>	<b>3.528.704.188</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 31/12/2011	876.089.448	59.926.489	936.015.937
Tăng trong kỳ	210.519.185	27.658.381	238.177.566
Khấu hao trong kỳ	210.519.185	27.658.381	238.177.566
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	<b>1.086.608.633</b>	<b>87.584.870</b>	<b>1.174.193.503</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2011	2.486.664.452	106.023.799	2.592.688.251
Tại ngày 30/06/2012	<b>2.276.145.267</b>	<b>78.365.418</b>	<b>2.354.510.685</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư dự án tại Khu đô thị mới An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	3.619.500.000	3.619.500.000
	<b>3.619.500.000</b>	<b>3.619.500.000</b>

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư vào Trường Đại học Đông Nam Á (i)	575.000.000	575.000.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	450.000.000	450.000.000
	<b>1.025.000.000</b>	<b>1.025.000.000</b>

Ghi chú:

- (i) Khoản góp vốn để thành lập Trường Đại học Đông Nam Á, Công ty chiếm 5% vốn điều lệ. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, trường đại học đang trong quá trình thành lập.
- (ii) Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư CIC theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký hai bên vào tháng 06 năm 2011.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu năm	524.180.083	2.117.207.163
Tăng trong năm	718.417.484	578.758.631
Phân bổ vào chi phí trong năm	(365.866.715)	(2.171.785.711)
Số dư cuối năm	<b>876.730.852</b>	<b>524.180.083</b>

**13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Năm 2011 VND
Tiền nộp ban đầu	6.110.562.467	494.938.176
Tiền nộp bổ sung	-	4.770.706.230
Lãi phân bổ trong năm	-	844.918.061
Số dư cuối kỳ	<b>6.110.562.467</b>	<b>6.110.562.467</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay các tổ chức và cá nhân	2.525.776.444	36.109.759.991
	<b>2.525.776.444</b>	<b>36.109.759.991</b>

Bao gồm các hợp đồng vay cá nhân, tổ chức với lãi suất từ 15%/năm đến 19%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.653.970.166	3.661.803.848
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.360.000.000	2.200.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	2.303.217.859	2.268.039.254
	<b>7.317.188.025</b>	<b>8.129.843.102</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân là số chưa được cơ quan thuế quyết toán.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	1.299.845.078	2.386.612.341
Chi phí phải trả khác	3.067.921.065	3.367.921.065
	<b>4.367.766.143</b>	<b>5.754.533.406</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	53.593.333	-
Phải trả phải nộp khác	1.493.068.762	1.548.511.462
	<b>1.546.662.095</b>	<b>1.548.511.462</b>

**18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	71.564.572	49.572.231
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	104.000.000	88.494.032
Phải trả tiền ký quỹ của nhà đầu tư	44.954.138.852	40.811.730.347
	<b>45.129.703.424</b>	<b>40.949.796.610</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại 31/12/2010	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	2.048.729.980
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	-	1.330.401.001
Tăng khác	-	-	-	1.330.401.001
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	(91.797.612.093)
Lỗi trong năm	-	-	-	(91.797.612.093)
Số dư tại 31/12/2011	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	(88.418.481.112)
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	-	-	11.998.646.152
Lãi trong kỳ	-	-	-	11.998.646.152
Số dư tại 30/06/2012	<b>390.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>2.868.000.000</b>	<b>(76.419.834.960)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 30/06/2012:**

Cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập:	
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	39.000.000 cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	39.000.000 cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	39.000.000 cổ phiếu

**20. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.253.316.271	8.460.142.967
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.984.832.580	1.483.964.799
Doanh thu hoạt động tư vấn	-	110.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	146.786.256	-
Doanh thu khác	9.189.471.729	53.619.117.275
<i>Doanh thu ứng trước tiền bán</i>	<i>1.456.158.768</i>	<i>4.135.865.245</i>
<i>Doanh thu hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán</i>	<i>4.312.675.456</i>	<i>37.748.682.382</i>
<i>Doanh thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư ngắn hạn</i>	<i>3.363.244.417</i>	<i>8.088.089.590</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>57.393.088</i>	<i>3.646.480.058</i>
	<b>21.574.406.836</b>	<b>63.673.225.041</b>
Các khoản giảm trừ		
<i>Giảm giá dịch vụ</i>	-	24.656.221
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>21.574.406.836</b>	<b>63.648.568.820</b>

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí môi giới	2.078.007.633	4.807.195.225
Chi phí đầu tư chứng khoán góp vốn	3.225.880.199	279.046.276
Chi phí dự phòng	(5.705.296.626)	25.392.300.345
Chi phí lãi vay	1.409.097.635	33.931.893.183
Chi phí khác	5.637.760.426	7.480.848.717
	<b>6.645.449.267</b>	<b>71.891.283.746</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Cho thuê văn phòng	1.444.596.193	1.457.126.983
Thu nhập khác	532.536.804	211.957.287
	<b>1.977.132.997</b>	<b>1.669.084.270</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11.998.646.152</b>	<b>(14.296.018.536)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	4.790.552.496	1.233.446.059
Chuyển lỗ của năm trước	7.208.093.656	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>(15.529.464.595)</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến khoản mục sau:

	30/6/2012 VND
Lỗ tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, năm hết hạn để chuyển số lỗ này là năm 2013	77.512.355.713
Lỗ tính thuế Công ty chuyển năm 2009	10.104.529.014
Lỗ tính thuế Công ty chuyển năm 2010	40.761.431.571
Lỗ tính thuế Công ty chuyển cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	7.208.093.656
Lỗ tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 còn lại chuyển lỗ vào các kỳ tiếp theo	19.438.301.472
Lỗ tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, năm hết hạn để chuyển số lỗ này là năm 2016	94.339.121.882

Khoản lỗ tính thuế này chưa được cơ quan thuế quyết toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.998.646.152	(14.296.018.536)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	39.000.000	39.000.000
Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	308	(367)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**26. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ**

	Khối lượng giao thực hiện trong kỳ Cổ phiếu	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện VND
a) Cửa Công ty chứng khoán	1.274.645	8.759.363.900
- Cổ phiếu	1.274.645	8.759.363.900
b) Cửa nhà đầu tư	51.409.787	2.281.612.741.200
- Cổ phiếu	51.409.787	2.281.612.741.200
	<b>52.684.432</b>	<b>2.290.372.105.100</b>

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan.

**Giao dịch với bên liên quan**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
<b>Nhận tiền ủy thác đầu tư</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	-	52.500.000.000
<b>Trả tiền ủy thác đầu tư</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	7.499.999.991	32.600.000.000
<b>Lãi phải trả hoạt động ủy thác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương		2.138.405.555

**Số dư với bên liên quan**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Phải trả tiền ủy thác đầu tư</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	-	7.499.999.991

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc	394.951.000	815.301.257

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ là 3.270.673.200 đồng.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng 1 năm tới	5.431.359.216	6.184.812.374
Từ năm thứ hai đến năm thứ tư	10.563.149.308	11.336.612.639
	<b>15.994.508.524</b>	<b>17.521.425.014</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*


**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được soát xét.



  
Nguyễn Đỗ Lăng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2012

  
Lê Thị Quy  
Kế toán trưởng

  
Lưu Lan Hương  
Người lập biểu